

**BẢN KÊ KHAI TÀI SẢN, THU NHẬP HÀNG NĂM  
(Ngày 21 tháng 10 năm 2022)<sup>(2)</sup>**

**I. THÔNG TIN CHUNG**

1. Người kê khai tài sản, thu nhập

- Họ và tên: NGUYỄN QUANG VINH. Ngày, tháng, năm sinh: 09/4/1979.
- Chức vụ/chức danh công tác: Chủ tịch UBND
- Cơ quan/đơn vị công tác: UBND Phường Ninh Thạnh.
- Nơi thường trú: 144 đường Nguyễn Trọng Cát, Khu phố Hiệp Nghĩa, Phường Hiệp Ninh, Thành phố Tây Ninh, Tỉnh Tây Ninh.
- Số căn cước công dân hoặc giấy chứng minh nhân dân<sup>(3)</sup>: 072079005800. Ngày cấp: 15/4/2021. Nơi cấp: Cục CSHCVTTXH.

2. Vợ hoặc chồng của người kê khai tài sản, thu nhập

- Họ và tên: Phạm Thị Tuyết Giang. Ngày, tháng, năm sinh: 22/02/1981.
- Nghề nghiệp: Buôn bán.
- Nơi làm việc<sup>(4)</sup>:
  - Nơi thường trú: 144 đường Nguyễn Trọng Cát, Khu phố Hiệp Nghĩa, Phường Hiệp Ninh, Thành phố Tây Ninh, Tỉnh Tây Ninh.
  - Số căn cước công dân hoặc giấy chứng minh nhân dân: 072181004386. Ngày cấp: 23/8/2019. Nơi cấp: Cục CSQLHC về TTXH.

3. Con chưa thành niên (con đẻ, con nuôi theo quy định của pháp luật)

3.1. Con thứ nhất:

- Họ và tên: Nguyễn Ngọc Hân. Ngày, tháng, năm sinh: 25/5/2002.
- Nơi thường trú: 144 đường Nguyễn Trọng Cát, Khu phố Hiệp Nghĩa, Phường Hiệp Ninh, Thành phố Tây Ninh, Tỉnh Tây Ninh.
- Số căn cước công dân hoặc giấy chứng minh nhân dân: 072302007364. Ngày cấp: 22/8/2019. Nơi cấp: Cục CSQLHC về TTXH.

3.2. Con thứ hai (trở lên): Kê khai tương tự như con thứ nhất.

**II. THÔNG TIN MÔ TẢ VỀ TÀI SẢN<sup>(5)</sup>**

1. Quyền sử dụng thực tế đối với đất<sup>(6)</sup>:

1.1. Đất ở<sup>(7)</sup>:

1.1.1. Thừa thứ nhất:

- Địa chỉ<sup>(8)</sup>: 144 đường Nguyễn Trọng Cát, Khu phố Hiệp Nghĩa, Phường Hiệp Ninh, Thành phố Tây Ninh, Tỉnh Tây Ninh.

- Diện tích<sup>(9)</sup>: 99,7 m<sup>2</sup> (thổ cư 99,7 m<sup>2</sup>)
- Giá trị<sup>(10)</sup>: 600.000.000đ (sáu trăm triệu đồng) tại thời điểm năm 2015.
- Giấy chứng nhận quyền sử dụng<sup>(11)</sup>: Số BN 609013, cấp ngày 18/6/2013 do UBND Thị xã Tây Ninh cấp. Cấp cho ông Nguyễn Quang Vinh.
- Thông tin khác (nếu có)<sup>(12)</sup>: Cha mẹ cho năm 2013.

1.1.2. Thừa thứ 2 (trở lên): Kê khai tương tự như thừa thứ nhất.

- Địa chỉ: Ấp Thành Tân, Xã Thành Long, Châu Thành, Tây Ninh.
- Diện tích: 627,1 m<sup>2</sup> (thổ cư 50 m<sup>2</sup>)
- Giá trị: 200.000.000đ (Hai trăm triệu đồng) tại thời điểm tháng 3/2020.
- Giấy chứng nhận quyền sử dụng: Số CV 104188, cấp ngày 25/3/2020 do Sở Tài nguyên Môi trường cấp. Cấp cho bà Phạm Thị Tuyết Giang.
- Thông tin khác (nếu có): Tự mua.

## 2. Nhà ở, công trình xây dựng:

### 2.1. Nhà ở:

#### 2.1.1. Nhà thứ nhất:

- Địa chỉ: 144 đường Nguyễn Trọng Cát, Khu phố Hiệp Nghĩa, Phường Hiệp Ninh, Thành phố Tây Ninh, Tỉnh Tây Ninh.

- Loại nhà<sup>(14)</sup>: Nhà ở riêng lẻ

- Diện tích sử dụng<sup>(15)</sup>: Diện tích sử dụng: 70 m<sup>2</sup>

- Giá trị<sup>(10)</sup>: 100.000.000đ (tại thời điểm năm 2008).

- Giấy chứng nhận quyền sở hữu:

- Thông tin khác (nếu có): Cha mẹ cho năm 2013.

#### 2.1.2. Nhà thứ 2 (trở lên): Kê khai tương tự như nhà thứ nhất.

### 2.2. Công trình xây dựng khác<sup>(16)</sup>:

#### 2.2.1. Công trình thứ nhất:

- Tên công trình:..... Địa chỉ: .....

- Loại công trình:..... Cấp công trình: .....

- Diện tích: .....

- Giá trị<sup>(10)</sup>: .....

- Giấy chứng nhận quyền sở hữu: .....

- Thông tin khác (nếu có): .....

#### 2.2.2. Công trình thứ 2 (trở lên): Kê khai tương tự như công trình thứ nhất.

## 3. Tài sản khác gắn liền với đất<sup>(17)</sup>:

### 3.1. Cây lâu năm<sup>(18)</sup>:

- Loại cây:..... Số lượng:..... Giá trị<sup>(10)</sup>: .....

- Loại cây:..... Số lượng:..... Giá trị<sup>(10)</sup>: .....

3.2. Rừng sản xuất<sup>(19)</sup>:

- Loại rừng:..... Diện tích:..... Giá trị<sup>(10)</sup>: .....

- Loại rừng:..... Diện tích:..... Giá trị<sup>(10)</sup>: .....

3.3. Vật kiến trúc khác gắn liền với đất:

- Tên gọi:..... Số lượng:..... Giá trị<sup>(10)</sup>: .....

- Tên gọi:..... Số lượng:..... Giá trị<sup>(10)</sup>: .....

4. Vàng, kim cương, bạch kim và các kim loại quý, đá quý khác có tổng giá trị từ 50 triệu đồng trở lên<sup>(20)</sup>.

5. Tiền (tiền Việt Nam, ngoại tệ) gồm tiền mặt, tiền cho vay, tiền trả trước, tiền gửi cá nhân, tổ chức trong nước, tổ chức nước ngoài tại Việt Nam mà tổng giá trị quy đổi từ 50 triệu đồng trở lên<sup>(21)</sup>.

6. Cổ phiếu, trái phiếu, vốn góp, các loại giấy tờ có giá khác mà tổng giá trị từ 50 triệu đồng trở lên (khai theo từng loại):

6.1. Cổ phiếu:

- Tên cổ phiếu:..... Số lượng:..... Giá trị: .....

- Tên cổ phiếu:..... Số lượng:..... Giá trị: .....

6.2. Trái phiếu:

- Tên trái phiếu:..... Số lượng:..... Giá trị: .....

- Tên trái phiếu:..... Số lượng:..... Giá trị: .....

6.3. Vốn góp<sup>(22)</sup>:

- Hình thức góp vốn:..... Giá trị:.....

- Hình thức góp vốn:..... Giá trị:.....

6.4. Các loại giấy tờ có giá khác<sup>(23)</sup>:

- Tên giấy tờ có giá: ..... Giá trị:.....

- Tên giấy tờ có giá:..... Giá trị:.....

7. Tài sản khác mà mỗi tài sản có giá trị từ 50 triệu đồng trở lên, bao gồm:

7.1. Tài sản theo quy định của pháp luật phải đăng ký sử dụng và được cấp giấy đăng ký (tàu bay, tàu thủy, thuyền, máy ủi, máy xúc, ô tô, mô tô, xe gắn máy...)<sup>(24)</sup>:

- Tên tài sản:..... Số đăng ký:..... Giá trị: .....

- Tên tài sản:..... Số đăng ký:..... Giá trị: .....

7.2. Tài sản khác (đồ mỹ nghệ, đồ thờ cúng, bàn ghế, cây cảnh, tranh, ảnh, các loại tài sản khác)<sup>(25)</sup>:

- Tên tài sản:..... Năm bắt đầu sở hữu:..... Giá trị: .....

- Tên tài sản:..... Năm bắt đầu sở hữu:..... Giá trị: .....

8. Tài sản ở nước ngoài<sup>(26)</sup>.

9. Tài khoản ở nước ngoài<sup>(27)</sup>:

- Tên chủ tài khoản: ....., số tài khoản: .....

- Tên ngân hàng, chi nhánh ngân hàng, tổ chức nơi mở tài khoản: .....

10. Tổng thu nhập giữa hai lần kê khai<sup>(28)</sup>: 310.800.000đ/năm.

- Tổng thu nhập của người kê khai: Lương 81.600.000đ/năm + phụ cấp 19.200.000đ/năm = 100.800.000đ/năm.

- Tổng thu nhập của vợ (hoặc chồng): 210.000.000đ/năm.

- Tổng thu nhập của con chưa thành niên: .....

- Tổng các khoản thu nhập chung:

**III. BIẾN ĐỘNG TÀI SẢN, THU NHẬP; GIẢI TRÌNH NGUỒN GỐC CỦA TÀI SẢN, THU NHẬP TĂNG THÊM** (nếu là kê khai tài sản, thu nhập lần đầu thì không phải kê khai Mục này): .....

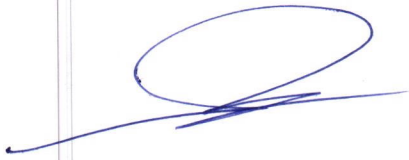
Loại tài sản, thu nhập	Tăng/giảm		Nội dung giải trình nguồn gốc của tài sản tăng thêm và tổng thu nhập
	Số lượng tài sản	Giá trị tài sản, thu nhập	
1. Quyền sử dụng thực tế đối với đất	không		
1.1. Đất ở			
1.2. Các loại đất khác			
2. Nhà ở, công trình xây dựng	không		
2.1. Nhà ở			
2.2. Công trình xây dựng khác			
3. Tài sản khác gắn liền với đất	không		
3.1. Cây lâu năm, rừng sản xuất			
3.2. Vật kiến trúc gắn liền với đất			
4. Vàng, kim cương, bạch kim và các kim loại quý, đá quý khác có tổng giá trị từ 50 triệu đồng trở lên	không		
5. Tiền (tiền Việt Nam, ngoại tệ) gồm tiền mặt, tiền cho vay, tiền trả trước, tiền gửi cá nhân, tổ chức trong nước, tổ chức nước ngoài tại Việt Nam mà tổng giá trị quy đổi từ 50 triệu đồng trở lên.	không		
6. Cổ phiếu, trái phiếu, vốn góp, các loại giấy tờ có giá khác mà tổng giá trị từ 50 triệu đồng trở lên (khai theo từng loại):	không		
6.1. Cổ phiếu			
6.2. Trái phiếu			
6.3. Vốn góp			

6.4. Các loại giấy tờ có giá khác			
7. Tài sản khác có giá trị từ 50 triệu đồng trở lên:	không		
7.1. Tài sản theo quy định của pháp luật phải đăng ký sử dụng và được cấp giấy đăng ký (tàu bay, tàu thủy, thuyền, máy ủi, máy xúc, ô tô, mô tô, xe gắn máy...).			
7.2. Tài sản khác (đồ mỹ nghệ, đồ thờ cúng, bàn ghế, cây cảnh, tranh ảnh, các loại tài sản khác).			
8. Tài sản ở nước ngoài.	không		
9. Tổng thu nhập giữa hai lần kê khai.	không		

Ninh Thuận, ngày 01 tháng 11 năm 2022

**NGƯỜI NHẬN BẢN KÊ KHAI**

(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ/chức danh)

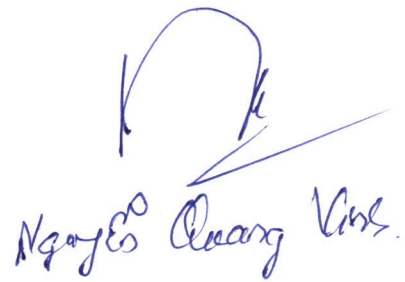


Nguyễn Thị Hồng Quế

Ninh Thuận, ngày 25 tháng 10 năm 2022

**NGƯỜI KÊ KHAI TÀI SẢN**

(Ký, ghi rõ họ tên)



Nguyễn Quang Vinh